

Bản án số: 47/2017/HSST

Ngày 19/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Hồng Lễ**.

* Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nông Văn Vĩnh**.

2. Ông **Lường Tuấn Nhã**.

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sơn** - Cán bộ Tòa án thành phố Bắc Kạn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/HSST ngày 02/11/2017, đối với bị cáo:

Đào Văn V - Sinh ngày 14/4/1993;

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh BG;

Trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Đào Văn Đ và bà Nguyễn Thị T;

Có vợ là VTN – sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 04/8/2017 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:*

Chị **Lộc Thị Nh** - sinh năm 1992;

Trú tại: Tổ 10, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nông Văn N - sinh năm 1977;

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;

Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1, Anh Lý Quốc T – sinh năm 1992;

Trú tại: Tổ 10, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt.

2, Anh Vi Văn Đ – sinh năm 1994;

Trú tại: Xóm M, xã M, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đào Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào tháng 11/2015 Đào Văn V đến làm thuê cho anh Lý Quốc Tr tại công trình nhà sàn thuộc thôn N, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 28/01/2016 V cùng Tr về nhà anh Tr ở tổ 10, phường P, thành phố Bắc Kạn chơi và làm cơm ăn. Tại đây V đã hỏi chị Lộc Thị Nh (là vợ anh Tr) mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe BKS 97B1-170... để đi chơi một lúc. Sau khi mượn được xe, V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nói trên của chị N để đem về quê vì cho rằng anh Tr còn nợ tiền công của V nếu anh Tr không trả tiền công thì V sẽ lấy chiếc xe trên. Khoảng 7h30' cùng ngày V đã điều khiển chiếc xe của chị Nh đến quê vợ mình ở tại xóm M, xã M, huyện H, tỉnh L chơi. Ngày 29/01/2016 V dùng điện thoại nhắn tin cho chị Nh yêu cầu anh Tr trả cho V số tiền 13.000.000^d (Mười ba triệu đồng) thì V sẽ đem xe về trả, chị Nh có nhắn tin lại cho V biết là xe của chị Nh chứ không

phải xe của anh Tr và yêu cầu V phải trả lại chiếc xe trên cho chị nhưng V không thực hiện.

Ngày 14/02/2016 V đã đem chiếc xe đến cầm cố cho anh Nông Văn N, trú tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang để lấy 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*), số tiền này V đã đem đi tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 15/5/2017 cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn đã ra Quyết định khởi tố Đào Văn V về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do V liên tục vắng mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Đào Văn V, đến ngày 04/8/2017 Đào Văn V đến Công an phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 26/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của thành phố Bắc Kạn kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe BKS 97B1-170... đã qua sử dụng trị giá 8.000.000^d (*Tám triệu đồng*).

Tại bản cáo trạng số 44/KSĐT ngày 01/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Đào Văn V về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 140/BLHS.

Điều luật có nội dung:

1, Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

a, ...

b, Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Ngày 28/01/2016 Đào Văn V mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe BKS 97B1-170... của chị Lộc Thị Nh, mục đích đi chơi một lúc, nhưng sau đó V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên, nên ngày 14/02/2016 V đã đem chiếc xe trên đến cầm cố cho ông Nông Văn N lấy số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*) đem đi tiêu sài cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Qua định giá thì chiếc xe có trị giá là 8.000.000^d (*Tám triệu đồng*).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đào Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Đào Văn V về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 140/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46/BLHS. Mặt khác khi bị cáo biết mình bị truy nã thì đã ra đầu thú, vì vậy khi lượng hình được xem xét giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46/BLHS.

* *Hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là chị Lộc Thị Nh đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 97B1-170..... nên không có yêu cầu gì thêm. Ông là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 97B1-170... với số tiền 7.000.000^d (Bảy triệu đồng), nay ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền trên, xét thấy yêu cầu của ông N là có căn cứ, vì vậy buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông N số tiền 7.000.000^d (Bảy triệu đồng) là phù hợp.

* *Về vật chứng*: Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe BKS 97B1-170... và các giấy tờ liên quan. Xét thấy chiếc xe trên là của chị Lộc Thị Nh nên cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

* *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án còn có Vi Văn Đ là người trực tiếp giới thiệu cho V chỗ cầm cố xe và Nông Văn N là người đã nhận cầm cố chiếc xe BKS 97B1-170... Tuy nhiên cả anh Đ và ông N đều không biết chiếc xe trên là do phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* *Tuyên bố*: Bị cáo Đào Văn V phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS.

+ Xử phạt bị cáo Đào Văn V 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt giam giữ 04/8/2017.

* *Về trách nhiệm dân sự*: - Áp dụng Điều 42/BLHS và các Điều 584, 586 /BLDS.

Buộc bị cáo Đào Văn V phải bồi thường cho ông Nông Văn N, trú tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang tổng số tiền là 7.000.000^d (Bảy triệu đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo Điều 357/BLDS về việc tính lãi suất.

* *Về án phí:* - Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đào Văn V phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000^d (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh 1;
- VKSND thành phố 2;
- Công an thành phố 1;
- Trại tạm giam tỉnh 1;
- Chi cục THA thành phố 1;
- Sở tư pháp tỉnh 1;
- Bị cáo, bị hại, người lq 3;
- Hồ sơ 1;
- Lưu 1.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vi Hồng Lễ